

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 11-7-2017

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Vinh

2. Ông Đặng Văn Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 66/2017/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 4 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2017/QĐXX-ST ngày 05 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đặng Văn G, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 339/7 ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số 339/7 ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

(Ông G có mặt, bà T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 4 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Đặng Văn G trình bày:

Ông và bà T chung sống với nhau từ năm 1984, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P năm 2013, hôn nhân do mai mối. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì từ năm 2010 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông và bà T không hợp nhau, bà T thường hay ghen tuông vô cớ, kiếm chuyện với ông và thường đến nơi làm việc của ông gây sự. Ông và bà T vẫn còn chung sống với nhau nhưng ông đi làm trên thành phố Hồ Chí Minh khoảng 1, 2 tháng mới về nhà một lần. Ông thấy vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông và bà T có 05 người con chung:

- Đặng Thị Kiều O, sinh năm 1984

- Đặng Thị Thúy H, sinh năm 1986

- Đặng Thị Tuyết N, sinh năm 1988

- Đặng Thanh Tùng, sinh năm 1990

- Đặng Thị Bích T, sinh năm 1992

Hiện nay các con chung đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản hòa giải ngày 27 tháng 4 năm 2017 bị đơn bà Nguyễn Thị Bé T trình bày:

Thời gian, điều kiện kết hôn đúng như lời ông T trình bày. Nhưng diễn biến quá trình chung sống không đúng. Trong quá trình chung sống ông T có quan hệ với người phụ nữ khác nên bà cũng hay ghen tuông, vợ chồng thường hay cãi vã, ông T thường hay chửi bới, đánh đập bà. Hiện nay ông G đi làm công trình trên thành phố Hồ Chí Minh, còn bà lên sống cùng con bà. Nay ông G yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý ly hôn nhưng với điều kiện phải chia tài sản chung.

Về con chung: Đúng như ông G trình bày. Hiện nay các con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Có nhà, đất và thanh long, bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Đặng Văn G khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Bé T. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bé T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Thấy rằng, ông G và bà T chung sống với nhau từ năm 1984, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 18 tháng 02 năm 2013. Quan hệ hôn nhân giữa ông G và bà T là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của các đương sự, quan hệ hôn nhân giữa ông G và bà T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, ông G có quan hệ với người phụ nữ khác, vợ chồng thường hay cãi vã.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, ông G kiên quyết ly hôn với bà T vì không còn tình cảm với bà T, bà T đồng ý ly hôn nhưng với điều kiện phải chia tài sản chung là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông G và bà T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông G yêu cầu ly hôn với bà T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông G.

Về con chung: Các con chung đã thành niên, không ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chia tài sản chung: Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án đã yêu cầu bà T nêu có tranh chấp tài sản thì phải làm thủ tục khởi kiện theo quy định nhưng bà

T không thực hiện nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Nếu bà T có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

[4] Về án phí: Ông G là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Đặng Văn G và bà Nguyễn Thị Bé T.

2. Về án phí: Ông Đặng Văn G phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007544 ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Long An;
- VKS huyện Châu Thành;
- THA huyện Châu Thành;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

